

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 03 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- *Quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông K sống chung từ năm 2001, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do bà N và ông K bất đồng quan điểm sự việc xảy ra cũng gần 10 năm nay, ông K có người phụ nữ bên

ngoài bà N cũng đã nhiều lần khuyên nhưng ông vẫn không thay đổi và có những lời lẽ xúc phạm đến bà, thậm chí còn đánh bà rất nhiều lần. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông K

- *Việc nuôi con:* Bà N và ông K có bốn người con chung gồm: Nguyễn Văn S, sinh ngày 09 tháng 04 năm 1993, Nguyễn Thị G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992, Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 07 tháng 09 năm 2001. Đối với anh S, chị G và anh T đã thành niên và có cuộc sống riêng nên bà N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với chị Y hiện đang sống với ông K, bà N yêu cầu cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng.

- *Chia tài sản:* Bà N và ông K có tài sản chung gồm 26 công đất nuôi trồng thủy sản và 01 căn nhà cấp 4. Bà N yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:**

- Quan hệ hôn nhân: ông K thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian sống chung, không có đăng ký kết hôn. Ông K không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương vợ, thương con. Trong thời gian vợ chồng sống chung thì cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ xuất phát từ việc tiêu xài tiền, ông không có người phụ nữ bên ngoài như bà N trình bày.

- Việc nuôi con: Ông K thống nhất với phần trình bày của bà N có 04 người con, trong đó có 03 người con đã thành niên nên ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị Y hiện đang sống chung với ông, ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng

- Chia tài sản: Ông K thống nhất tài sản chung như bà N trình bày, ông đồng ý tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

+ Về quan hệ con: Giao cháu Nguyễn Ngọc Y cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng do không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản: Bà N và ông K tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không có đăng ký kết hôn. Thực tế họ đã từng sống chung với nhau như vợ chồng và đã có con chung. Nay bà N có đơn yêu cầu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. **Việc nuôi con:**

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Cho nên việc các bên thỏa thuận cho ông K tiếp tục nuôi chị Y là phù hợp với quy định và nguyện vọng của chị Y nên được Hội đồng xét xử ghi nhận: Giao cháu Yên cho ông K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do ông K không yêu cầu cấp dưỡng (mặc dù đã giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. **Chia tài sản:** Do bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. **Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo

biên lai thu tiền số 0001006 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng

2. Việc nuôi con: Giao chị Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 07 tháng 09 năm 2001 cho ông K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do ông Nguyễn Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Chia tài sản: Do bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn K tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001006 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn